

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 219 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2022
V/v "Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:119 /2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 816/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 935/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Đội 7, thôn Đ1, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Đường L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 và các văn bản tố tụng khác nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc N tổ chức cưới hỏi vào cuối năm 2019, trước khi cưới anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng sáu tháng, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân có Giấy đăng ký kết hôn do UBND phường Đ cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng, thời gian đầu sống bình thường nhưng khoảng hai tháng sau thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không quan tâm đến

vợ con, bất đồng quan điểm sống, anh muốn sống chung với cha mẹ chồng còn chị muốn thuê nhà để làm nghề, phần thì nhà cha mẹ chồng không có phòng riêng sinh hoạt cho vợ chồng. Vợ chồng còn có nhiều mâu thuẫn lặt vặt trong cuộc sống hàng ngày. Chị nghe dư luận anh N có quan hệ người phụ nữ khác, chị có hỏi anh thì anh nóng tính đánh vợ. Còn về tiền bạc, anh N đi làm tự chi tiêu riêng. Từ tháng 3/2020 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Gia đình hai bên cũng có hòa giải nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn được. Hiện chị không còn tình cảm với anh N, nay chị yêu cầu cho chị ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Hạ S, sinh ngày: 04/4/2020. Hiện cháu S đang ở với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề thẩm mỹ, thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng đủ chi phí nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N vắng mặt nên không có lời trình bày. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh N biết nhưng anh không có văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được nên trong hồ sơ không thể hiện lời khai của anh N.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạ S, sinh ngày: 04/4/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chị T không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Ngọc N, anh N có nơi cư trú tại phường Đạp Đá, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án trên.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[3] Bị đơn anh N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Chị T và anh N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 09/10/2029 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, *“vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”* Mặc dù trước khi cưới, anh chị có thời gian tìm hiểu nhưng sống chung chỉ sau thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 3/2020 cho đến nay. Anh N biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh vẫn không tham gia tố tụng tại Tòa án. Qua xác minh những người thân trong gia đình của anh N thì cha mẹ của anh cùng xác định, anh N đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh N không đến Tòa vì vợ chồng Nhựt - Thủy mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T ghen tuông, nhảm nhí đến người thân làm ảnh hưởng đến danh dự của gia đình. Anh N nóng tính có đánh chị T. Gia đình hòa giải nhưng chị T không quay về chung sống. Anh N cũng tâm sự với cha mẹ anh, anh không còn tình cảm với vợ nữa. Qua viện dẫn và phân tích ở trên, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, suốt thời gian dài vợ chồng không quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Vợ chồng có một người con chung tên là Nguyễn Hạ S, sinh ngày: 04/4/2020. Hiện nay cháu S đang ở với chị T. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn, cháu S hiện còn nhỏ mới hơn 25 tháng tuổi, mọi sinh hoạt hàng ngày của cháu rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn anh N không tham gia tố tụng vụ án, không có lời trình bày tại hồ sơ. Qua phân tích trên, HĐXX quyết định giao

cháu S cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con*”.

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh N không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T xác định mức thu nhập bình quân của chị 5.000.000 đồng/tháng đủ chi phí nuôi con, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa giải thích về quyền lợi của con nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Hạ S, sinh ngày: 04/4/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Không xem xét về tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005080 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường Đ;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh